

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ – CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ – CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ – CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung Xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐND ngày 05/4/2012 của HĐND thành phố Hà Nội về quy hoạch phát triển nông nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 80 /SNN-KH ngày 14/6/2012 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 456 /TTr-KH&ĐT ngày 09/7/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng năm 2030.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

## **1. Quan điểm phát triển:**

- Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch phát triển nông nghiệp quốc gia và vùng Đồng bằng sông Hồng; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch chung Xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch khác có liên quan.

- Phát triển nông nghiệp hiện đại trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương thức sản xuất tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Phát triển nông nghiệp gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, quá trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới văn minh, tăng hiệu suất sử dụng đất và tăng năng suất lao động nông nghiệp, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị sinh thái, góp phần tạo cảnh quan môi trường, thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái, hài hòa và bền vững với môi trường, từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh, các vành đai xanh, sinh thái và các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, tiến tới an ninh dinh dưỡng; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

## **2. Mục tiêu phát triển:**

### **a) Mục tiêu chung:**

Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng năng suất và chất lượng cao, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tạo ra những vùng sản xuất hàng hóa tập trung lớn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Ưu tiên phát triển những cây, con có lợi thế; giảm dần diện tích sản xuất cây lương thực đi đôi với việc phát triển lúa chất lượng cao; tăng sản xuất rau an toàn, hoa cây cảnh, cây ăn quả nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả sử dụng đất, nguồn nước, lao động và vốn đầu tư. Chuyển mạnh phát triển chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, tập trung ngoài khu dân cư; Theo hướng ổn định tổng đàn lợn và gia cầm, tăng nhanh đàn bò sữa, phát triển đàn bò thịt. Phát triển thủy sản theo hướng tập trung thâm canh, tăng nhanh năng suất, phát triển bền vững.

### **b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2020**

- Tăng trưởng bình quân GDP giai đoạn 2011 - 2020 là 1,5-2,0%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt 1,2 - 1,5%/năm.

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2020 là 1,85%/năm; giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 1,5%/năm.

- Tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong GDP Thành phố năm 2020 khoảng 2%-2,5%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2020: Trồng trọt 34,5%; chăn nuôi 54,0%, thủy sản 11,5%;

- Giá trị sản xuất nông nghiệp 01 ha đất nông nghiệp (giá thực tế): năm 2020 đạt trên 340 triệu đồng.

### **3. Quy hoạch phát triển đến năm 2020:**

#### **3.1. Trồng trọt:**

##### **a) Sản xuất lương thực:**

- Lúa:

Năm 2020, diện tích đất canh tác trồng lúa là khoảng 92 nghìn ha; diện tích gieo trồng trên 150 nghìn ha, năng suất 60 tạ/ha, sản lượng khoảng 920 nghìn tấn. Tập trung chủ yếu tại các vùng thuận lợi về tưới, tiêu, đất đai màu mỡ, vùng truyền thống.

Vùng sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao 40 nghìn ha canh tác (chiếm khoảng 43% diện tích canh tác lúa), tập trung tại 8 huyện trọng điểm lúa.

- Cây ngô: ổn định diện tích gieo trồng khoảng 23 nghìn ha, trong đó vụ đông 17 - 18 nghìn ha. Phân đầu đến năm 2015 năng suất ngô bình quân đạt trên 50 tạ/ha, sản lượng đạt 115 nghìn tấn; năm 2020 năng suất bình quân trên 55 tạ/ha, sản lượng khoảng 126 nghìn tấn. Tập trung chủ yếu tại vùng bãi ven sông.

##### **b) Rau đậu thực phẩm:**

- Năm 2020, diện tích gieo trồng 34 nghìn ha; sản lượng khoảng 680 nghìn tấn, trong đó diện tích trồng rau an toàn khoảng 18 - 19 nghìn ha, sản lượng rau an toàn khoảng 380 nghìn tấn. Tập trung tại vùng bãi ven sông, vùng đồng bằng.

c) Cây ăn quả: Năm 2015, diện tích trồng cây ăn quả là 15,5 nghìn ha, sản lượng 230 nghìn tấn; năm 2020 diện tích khoảng 17 nghìn ha; sản lượng đạt khoảng 260 nghìn tấn. Phát triển đa dạng các loại cây ăn quả, trong đó ưu tiên phát triển một số loại cây ăn quả giá trị kinh tế cao, lợi thế như: bưởi Diễn, cam Canh, nhãn chín muộn, chuối nuôi cấy mô ... Tập trung chủ yếu tại vùng đồi gò, vùng bãi ven sông.

d) Hoa cây cảnh: Xây dựng các vùng trồng hoa tại một số xã ở các huyện: Từ Liêm, Mê Linh, Đông Anh, Đan Phượng, Gia Lâm ...

Từng bước hiện đại hóa các vùng sản xuất hoa định hướng xuất khẩu quy mô 50 ha/vùng tại huyện Mê Linh, Từ Liêm và Đan Phượng ...

e) Phát triển cây đậu tương: quy mô diện tích khoảng 31 - 33 nghìn ha gieo trồng; sản lượng 59 - 62 nghìn tấn. Vùng sản xuất tập trung đậu tương chủ yếu tại các huyện Phú Xuyên, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Chương Mỹ, Phúc Thọ, Thường Tín.

f) Cây chè: Ổn định diện tích hiện có ở các huyện vùng gò đồi với diện tích 2,7 nghìn đến 3 nghìn ha. Đầu tư cải tạo vườn chè cũ bằng các giống mới có năng suất, chất lượng cao nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất chè; đến năm 2015 cải tạo khoảng 1 nghìn ha, giai đoạn 2016 -2020 cải tạo khoảng 1 nghìn ha. Dự kiến năm 2020 năng suất chè búp tươi đạt từ 80 tạ/ha trở lên. Vùng tập trung ở các huyện Ba Vì, Sóc Sơn.

### 3.2. Chăn nuôi.

Phát triển các loại gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp, chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư gần với các cơ sở giết mổ, chế biến và xử lý chất thải, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

#### a) Quy hoạch đàn vật nuôi:

- Đàn lợn: Tổng đàn lợn đến năm 2015 đạt khoảng 1,4 - 1,5 triệu con và ổn định tổng đàn đến năm 2020. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2015 dự kiến đạt 330 nghìn tấn (tăng bình quân 1,5%/năm). Đến năm 2020 sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt trên 340 nghìn tấn (tăng bình quân 0,6%/năm).

Từng bước đưa chăn nuôi lợn trên địa bàn Hà Nội theo hướng sản xuất giống, vừa cung cấp giống lợn con cho chăn nuôi trang trại trên địa bàn và cung cấp cho các tỉnh khác (đạt trên 6 triệu con lợn giống/năm); giảm chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư hiện nay từ 70% xuống còn 40% năm 2015 và tiếp tục giảm vào năm 2020. Phát triển chăn nuôi vùng tập trung xa khu dân cư tại các huyện có điều kiện về đất đai như: Mỹ Đức, Ứng Hòa, Thanh Oai, Chương Mỹ, Sơn Tây, Thạch Thất, Ba Vì, Sóc Sơn, Phú Xuyên, Thạch Thất, Đông Anh.

#### - Đàn bò:

+ Bò thịt: năm 2015 tổng đàn 170 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng khoảng 8,2 nghìn tấn; Năm 2020, tổng đàn khoảng 150 - 155 nghìn con, sản lượng thịt hơi 8 nghìn tấn. Chăn nuôi bò thịt trọng điểm ở vùng đồi gò, vùng bãi ven sông;

+ Bò sữa: năm 2015 là 15 nghìn con, sản lượng sữa khoảng 25 nghìn tấn, năm 2020 tăng lên 20 nghìn con, sản lượng sữa khoảng 36 nghìn tấn. Chăn nuôi bò sữa chủ yếu ở Ba Vì, Gia Lâm, Quốc Oai, Đông Anh;

- Gia cầm: Trong giai đoạn 2011 - 2020, tổng đàn gia cầm ổn định vào khoảng 15 triệu con/năm. Áp dụng biện pháp nuôi thâm canh tập trung, tăng số lứa gia cầm xuất chuồng. Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng khoảng 59 nghìn tấn năm 2015 và đạt trên 66 nghìn tấn năm 2020 (đàn gà chiếm trên 80% tổng đàn); phương thức nuôi chú trọng vào nuôi tập trung thâm canh; phần đầu tới năm 2015 có khoảng 40 - 50% số lượng gia cầm được chăn nuôi tập trung và năm 2020 có trên 70%.

Hướng bố trí sản xuất: Địa bàn trọng điểm chăn nuôi gia cầm là các huyện vùng gò đồi và một số huyện có điều kiện đất rộng như Chương Mỹ, Đông Anh, Ba Vì, Quốc Oai, Sóc Sơn, Thanh Oai, Ứng Hòa, Phúc Thọ, Phú Xuyên, Thạch Thất, có tổng đàn gia cầm chiếm trên 85% toàn Thành phố.

b) Quy hoạch các khu chăn nuôi tập trung

- Đối với các khu chăn nuôi tập trung đã xây dựng, tiến hành rà soát tiến tới xóa bỏ và di dời các khu chăn nuôi nằm gần khu dân cư, khu vực dự kiến quy hoạch khu đô thị, khu công nghiệp, gây ô nhiễm môi trường. Quy hoạch nâng cấp mở rộng quy mô những khu chăn nuôi tập trung có điều kiện.

- Xây dựng mới các khu chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư ở các huyện Ba Vì, Chương Mỹ, Thường Tín, Thanh Oai, Ứng Hoà, Đan Phượng, Phúc Thọ, Quốc Oai, Thạch Thất, Mê Linh, Sóc Sơn.

**3.3. Lâm nghiệp:**

Tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng đến năm 2020 là 26,707 nghìn ha, nâng tỷ lệ che phủ rừng từ 7,3% hiện nay lên 8,0% vào năm 2020; trong đó:

- Rừng phòng hộ: Tổng diện tích rừng phòng hộ bảo vệ môi trường là 9 nghìn ha, chủ yếu tập trung tại các huyện: Sóc Sơn, Ba Vì, Mỹ Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Thị xã Sơn Tây và Chương Mỹ;

- Rừng đặc dụng: Tổng diện tích rừng đặc dụng là: 13,546 nghìn ha, bao gồm: bao gồm khu K9, Vật Lại, vườn Quốc gia Ba Vì và khu Hương Sơn (Mỹ Đức);

- Rừng sản xuất: Tổng diện tích rừng sản xuất là 4,161 nghìn ha, trồng rừng thay thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu rừng kinh tế bằng các loài cây đa tác dụng. Phân bố tại 5 huyện, thị là: Ba Vì, Thạch Thất, thị xã Sơn Tây, Quốc Oai và Chương Mỹ.

**3.4. Thủy sản**

- Đối với vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, chú trọng đầu tư thâm canh để tăng nhanh năng suất, sản lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường;

- Tận dụng diện tích mặt nước các hồ chứa để kết hợp nuôi thủy sản;

- Đến năm 2015: tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 21,5 nghìn ha (trong đó diện tích tập trung có điều kiện đầu tư thâm canh 10,1 nghìn ha), năng suất vùng nuôi trồng tập trung thâm canh bình quân 9,5 tấn/ha, tổng sản lượng thủy sản khoảng 120 nghìn tấn.

- Đến năm 2020: diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 22,5 nghìn ha (trong đó diện tích tập trung có điều kiện đầu tư thâm canh 10,26 nghìn ha), năng suất vùng nuôi tập trung bình quân 17,5 tấn/ha, tổng sản lượng thủy sản khoảng 212 nghìn tấn.

Phát triển sản xuất thủy sản tập trung chủ yếu tại các vùng trũng, thấp thuộc các huyện: Ba Vì, Chương Mỹ, Ứng Hoà, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Thanh Trì, Thanh Oai, Thường Tín, Sóc Sơn, Quốc Oai.

**4. Định hướng phát triển nông nghiệp đến năm 2030:**

Trên cơ sở mục tiêu và kết quả giai đoạn 2011-2020, giai đoạn 2021-2030 tiếp tục tăng nhanh diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Mở rộng diện tích cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Tăng nhanh nông sản qua chế biến để đạt giá trị gia tăng cao.

Công nghiệp hóa hoàn toàn chăn nuôi, gia cầm, lợn; đẩy mạnh công nghiệp hóa chăn nuôi bò, thủy sản và một số vật nuôi khác; phấn đấu không còn chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư;

Phát triển nông nghiệp gắn với hình thành vành đai xanh, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh quy mô lớn: Vùng rau sạch, lúa chất lượng cao, cây ăn quả, hoa, cây cảnh gắn với hệ thống phân phối tiện lợi cho người dân. Nâng cao năng suất, chất lượng nông sản hàng hóa, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, tăng giá trị sản xuất trồng trọt trên đơn vị diện tích đất canh tác nông nghiệp.

Hình thành các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh quy mô lớn (rau, hoa, chăn nuôi tập trung ngoài khu dân cư, thủy sản tập trung thâm canh).

## **5. Định hướng phát triển theo tiểu vùng**

### **a. Vùng đồi gò:**

Phát triển tập trung các sản phẩm nông nghiệp chủ lực là cây ăn quả, cây chè, phát triển trang trại và chăn nuôi gia súc tập trung (bò thịt chất lượng cao, bò sữa, lợn thương phẩm), phát triển rừng kinh tế.

### **b. Vùng đồng bằng:**

Tập trung sản xuất cây lương thực: lúa, ngô, chăn nuôi lợn, gia cầm và nuôi trồng thủy sản:

Đối với vùng đất vùn, vùn cao: Tập trung phát triển lúa hàng hoá chất lượng cao; trồng hoa cây cảnh, rau đậu thực phẩm (chú trọng trồng rau an toàn), trồng cây công nghiệp hàng năm như đậu tương (nhất là đậu tương đông)

Đối với vùng ruộng trũng: với tổng diện tích khoảng 20 nghìn ha, trong đó đến năm 2010 đã chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản gần 10 nghìn ha, còn lại hơn 10 nghìn ha; định hướng tiếp tục chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi mỗi năm khoảng 200 - 250 ha.

### **c. Vùng bãi ven sông:**

Vùng bãi ven sông (sông Hồng, sông Đáy, sông Đuống ...) với diện tích tự nhiên 29,4 nghìn ha, định hướng tập trung phát triển cây rau đậu thực phẩm, rau an toàn, cây ăn quả và chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại gắn với việc bảo vệ vành đai xanh của Hà Nội

## **6. Định hướng bố trí các vùng sản xuất nông sản hàng hoá.**

Vùng sản xuất rau đậu thực phẩm, vùng rau an toàn, rau cao cấp ở Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Thanh Trì; khu vực ven sông Đáy và bãi sông Hồng thuộc các huyện Phúc Thọ, Đan Phượng, Hoài Đức, Quốc Oai, Chương Mỹ, Thường Tín, Phú Xuyên và Ứng Hoà và một số địa bàn thuộc các huyện.

Vùng hoa, cây cảnh phát triển tập trung ở các huyện Mê Linh, Từ Liêm, Đông Anh, Gia Lâm, Sóc Sơn, Đan Phượng, Quốc Oai, Hoài Đức, Thường Tín,

TX Sơn Tây. Đưa diện tích trồng hoa, cây cảnh đến năm 2020 ổn định khoảng 4,6 nghìn ha gieo trồng (khoảng 2,3 nghìn ha canh tác).

Vùng sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao: Bố trí vùng sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao tập trung với quy mô khoảng 40 nghìn ha đất canh tác tại các huyện, trong đó chủ yếu tập trung tại các huyện trọng điểm lúa của Thành phố là: Ứng Hoà, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Ba Vì, Phú Xuyên, Mỹ Đức, Thanh Oai, Thường Tín.

Phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả, tập trung đầu tư phát triển các cây ăn quả đặc sản để củng cố và nâng cao thương hiệu sản phẩm trên thị trường: cam Canh, bưởi Diễn (vùng bãi ven sông Hồng, sông Đáy), nhãn chín muộn vùng đồi gò ... Đưa diện tích trồng cây ăn quả đến năm 2020 khoảng 17 nghìn ha.

Vùng trồng chè: Chủ yếu thuộc các xã vùng đồi, gò các huyện: Ba Vì, Sóc Sơn, Chương Mỹ.

Vùng phát triển chăn nuôi:

Vùng phát triển chăn nuôi đại gia súc: Chăn nuôi bò thịt thương phẩm, bò sữa tại các huyện vùng đồi gò và vùng bãi bồi ven sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cà Lồ ... ;

Vùng phát triển chăn nuôi gia cầm: chủ yếu tại các huyện vùng đồi gò, một số xã vùng bãi;

Chăn nuôi lợn thương phẩm ở hầu hết ở các huyện.

Phát triển lâm nghiệp: Tăng cường đầu tư trồng rừng mới, cải tạo rừng kinh tế, phủ xanh đất trống trọc, bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan, thúc đẩy phát triển du lịch. Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý, bảo vệ rừng.

## **7. Các giải pháp chủ yếu thực hiện Quy hoạch.**

### *7.1. Quản lý quy hoạch:*

Tổ chức công bố quy hoạch sau khi được phê duyệt. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch tại các huyện thị.

Hoàn thành xây dựng các quy hoạch chi tiết: chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, đê điều; các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xác định các phân khu quy hoạch để hình thành các vùng sản xuất tập trung.

*7.2. Giải pháp về vốn:* Tổng vốn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp đến năm 2020 khoảng 60.168,9 tỷ đồng (Vốn có nguồn gốc ngân sách 22.941,4 tỷ đồng, chiếm 38,1%), trong đó: Giai đoạn 2011-2015 là 30.184,9 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 là 29.984 tỷ đồng;

Thu hút mọi nguồn vốn đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản, bao gồm vốn đầu tư trong nước (ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng, của dân,...), vốn đầu tư nước ngoài.

7.3. *Xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp, dồn điền đổi thửa, đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Trong đó tập trung cho hỗ trợ sản xuất giống, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đào tạo, cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa...*

7.4. *Nâng cao năng lực, hiệu quả các dịch vụ phát triển sản xuất nông nghiệp; khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, cấp thoát nước, sản xuất cung ứng giống cây trồng, vật nuôi.*

7.5. *Nâng cao năng lực quản lý nhà nước các cấp về lĩnh vực nông nghiệp. Hoàn thiện đề án tăng cường đội ngũ cán bộ nông nghiệp cấp xã. Tăng cường quản lý, củng cố, hỗ trợ và nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp*

7.6. *Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án trọng tâm, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao: đề án giống cây trồng vật nuôi, đề án cây ăn quả, rau an toàn, hoa cây cảnh, chương trình lúa chất lượng cao, phát triển vùng chè, cơ giới hóa nông nghiệp...*

7.7. *Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất: thủy lợi, giao thông nội đồng, cơ sở sản xuất giống,... chú ý đến cơ sở hạ tầng trong các khu sản xuất tập trung.*

7.8. *Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ trong canh tác, chăn nuôi gia súc, gia cầm, và nuôi thủy sản. Các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ về thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản hàng hóa. Các công nghệ mới như công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, và công nghệ tin học trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Các tiến bộ kỹ thuật trong công tác tổ chức quản lý, điều hành nền sản xuất hàng hóa, kỹ thuật Marketing.*

7.9. *Giải pháp về thị trường: Nâng cao năng lực dự báo thị trường. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, dự báo thị trường.*

Xây dựng mạng lưới chợ đầu mối, chợ nông thôn nhằm tiêu thụ nông sản phẩm cho nông dân. Đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến nông sản để tạo thị trường đầu ra ổn định.

Xây dựng thương hiệu sản phẩm từ việc áp dụng kỹ thuật sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng và được công nhận của cơ quan kiểm định trong nước và quốc tế, cho tới việc quảng bá cung cấp sản phẩm tới người tiêu dùng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

### **1. Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn:**

Tổ chức công bố công khai quy hoạch, hướng dẫn các quận, huyện, thị xã rà soát, xây dựng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Triển khai xây dựng và trình UBND Thành phố phê duyệt các chương trình, dự án, đề án nhằm cụ thể hóa nội dung quy hoạch.



Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan cụ thể hoá các nhiệm vụ, các giải pháp thực hiện quy hoạch sản xuất nông nghiệp. Tham mưu cho UBND Thành phố ban hành các chủ trương, chính sách có liên quan. Tổ chức phối hợp lồng ghép các chương trình để triển khai thực hiện tốt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp.

2. Sở Kế hoạch & Đầu tư: Phối hợp với các sở Tài chính, nông nghiệp cần đổi vốn và huy động các nguồn tài trợ cho phát triển nông nghiệp.

3. Sở Tài Chính: Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp, bố trí vốn ngân sách hàng năm cho phát triển nông nghiệp, đảm bảo thực hiện quy hoạch.

4. Các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở NN&PTNT, các huyện, Thị xã tham gia, tạo điều kiện thực hiện quy hoạch, góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp của Thành phố phù hợp với định hướng quy hoạch chung.

5. Ủy ban nhân dân các Quận, huyện, thị xã: Phối hợp với Sở NN & PTNT và các Sở ngành có liên quan tổ chức chỉ đạo thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp trên địa bàn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp & Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài Chính; Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Quận, huyện, thị xã; thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Các Bộ: NN&PTNT, XD, KH&CN;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đồng chí Chủ tịch UBND TP;  
(để báo cáo);
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- VP: TU, HĐND TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- Các phòng chuyên viên NCTH VP UBNDTP;
- Lưu VT, NNNT (Tùy 2b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

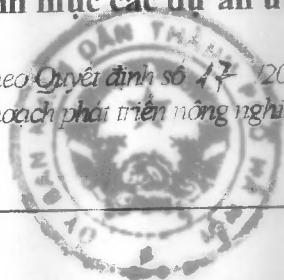


Trần Xuân Việt

**PHỤ LỤC**

**Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển nông nghiệp thành phố  
Giai đoạn 2011-2020**

(Kèm theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của UBND TP Hà Nội phê duyệt quy hoạch phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030)



TT	Hạng mục	Quy mô, địa điểm
<b>A</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển trồng trọt</b>	
1	Dự án phát triển cây ăn quả đặc sản tập trung gắn với môi trường đô thị và du lịch sinh thái	2.000 ha
2	Dự án phát triển lúa chất lượng cao vùng tập trung	40.000 ha
3	Dự án phát triển rau an toàn vùng tập trung ứng dụng công nghệ cao	6.000 ha
4	Dự án phát triển hoa, cây cảnh vùng tập trung ứng dụng công nghệ cao	2.100 ha
5	Dự án nâng cấp các cơ sở sản xuất giống cây trồng	
6	Xây dựng trạm khảo nghiệm, nhân giống cây trồng	
7	Hỗ trợ giống cây trồng cho vùng sản xuất tập trung	các huyện
8	Dự án phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp	các huyện
9	Dự án phát triển sản xuất cây trồng vụ đông	các huyện
<b>B</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển chăn nuôi</b>	
10	Dự án hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng bò thịt	các huyện
11	Dự án hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng chăn nuôi lợn thịt	các huyện
12	Dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi bò sữa	các huyện tập trung
13	Dự án phát triển đàn gia cầm theo hướng tập trung	các huyện tập trung
14	Dự án hỗ trợ VSATTP trong chăn nuôi	các huyện
15	Các dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng chăn nuôi tập trung	1.400 ha
16	Dự án hỗ trợ đào tạo cán bộ HTXNN và nông dân	các huyện
17	Hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi	các huyện
18	Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển giống vật nuôi bản địa	các huyện
19	Dự án nâng cấp các cơ sở sản xuất giống vật nuôi	
<b>C</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển thủy sản</b>	
20	Các dự án chuyên đổi vùng nuôi trồng thủy sản tập trung	
21	Dự án nâng cấp các cơ sở sản xuất giống thủy sản	

TT	Hạng mục	Quy mô, địa điểm
22	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cơ sở chế biến thủy sản	
<b>D</b>	<b>Chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp</b>	
23	Dự án rà soát lại và giao rừng, cho thuê rừng	các huyện
24	Dự án đóng mốc giới 3 loại rừng	các huyện
25	Xây dựng trạm bảo vệ rừng	các huyện
26	Dự án xây dựng trại rừng và trồng cây phân tán	các huyện
27	Dự án làm giàu rừng tự nhiên nghèo kiệt	Ba Vì, Mỹ Đức
28	Dự án nâng cấp rừng phòng hộ bảo vệ môi trường	
29	Dự án trồng rừng trên diện tích đất trồng đồi trọc chưa có rừng và diện tích trồng lại rừng sau khai thác	
30	Dự án nâng cao năng lực hệ thống phòng chống cháy rừng	
31	Dự án phát triển giống cây lâm nghiệp	
<b>E</b>	<b>Dự án khu nông nghiệp công nghệ cao</b>	
32	Dự án xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao Hà Nội	
<b>F</b>	<b>Dự án hỗ trợ công tác nghiên cứu khoa học, quy hoạch</b>	
<b>G</b>	<b>Các dự án khác</b>	
33	Dự án tăng cường năng lực hệ thống BVTV, khuyến nông, thú y	
34	Dự án hỗ trợ khuyến nông, xây dựng mô hình nông nghiệp	
35	Dự án tăng cường năng lực chi cục thủy sản	

*Ghi chú:* Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng của các chương trình, dự án nêu trên được tính toán, lựa chọn và xác định chính xác cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư.